TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi Con sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Kim Liên

2. Ông Trương Bế Thiện

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Đức Chính – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên: Ông Vũ Xuân Đại– Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 624/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2022 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con sau ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 33/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nghiêm Tuấn A, sinh năm 1994. (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 11, phường TT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Chị Trần Thị Diệu L, sinh năm 1995. (Có mặt)

ĐKHKTT: Tổ 12, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: Tổ 15, phường PĐP, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự trình bày như sau:

Nguyên đơn anh Nghiêm Tuấn A trình bày: Anh và chị Trần Thị Diệu L kết hôn năm 2019 trên cơ sở tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết

hôn theo quy định của pháp luật tại UBND Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên ngày 11/11/2019 và tổ chức cưới hỏi theo nghi lễ truyền thống của dân tộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh. Trong quá trình chung sống vợ chồng đến cuối năm 2020 hai vợ chồng anh có những mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, vợ không chia sẻ nên tình cảm vợ chồng ngày càng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Từ tháng 7/2022 hai vợ chồng anh ly thân, anh ở cơ quan duối Phỏ Yến, ỉnh thoảng mới về nhà, còn chị L lúc thì ở nhà anh lúc ở nhà bố mẹ đẻ đến đầu năm 2023 thì chị L và con về hẳn nà bố mẹ đẻ ở. Anh Nghiêm Tuấn A xác định không còn tình cảm với chị L, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Hai vợ chồng có một con chung là cháu Nghiêm Quang Đ, sinh ngày 10/9/2021. Khi ly hôn cháu Đ còn bé và đang ở với mẹ nên đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc và anh Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung 3.000.000 đồng/Tháng. Đến ngày 15/4/2023 anh Tuấn A thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Trần Thị D Linh trình bày: Chị và anh Nghiêm Tuấn A đăng ký kết hôn ngày 11/11/2019 tại UBND phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình nhất trí. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với bố mẹ anh Tuấn A, cuộc sống hai vợ chồng bình thường nhưng sau đó có những bất đồng quan điểm do không hiểu nhau trong cuộc sống cũng như trong công việc, những mâu thuẫn đó có lúc trầm trọng có lúc không. Từ khoảng cuối năm 2022 anh Tuấn A ở cơ quan ít khi về nhà, đến tháng 01/2023 chị và con trai về nhà bố mẹ đẻ ở hẳn. Chị xác định vẫn còn tình cảm với anh Tuấn A và mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Hai vợ chồng có một con chung là cháu Nghiêm Quang Đ, sinh ngày 10/9/2021. Trường hợp ly hôn thì chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ và đề nghị anh Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung 5.000.000 đồng/Tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để các đương sự về đoàn tụ với nhau và thỏa thuận với nhau các vấn đề giải quyết trong vụ án. Tuy

nhiên, anh Nghiêm Tuấn A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị L vẫn mong muốn được đoàn tụ.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn anh Nghiêm Tuấn A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị HĐXX cho anh được ly hôn chị Trần Thị Diệu L, giao con chung là cháu Nghiêm Quang Đ, sinh ngày 10/9/2021 cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đ 2.500.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị Diệu L không nhất trí ly hôn vì chị còn yêu anh Tuấn A, thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng, trường hợp ly hôn thì chị Linh sẽ là người chăm sóc nuôi dưỡng con chung cháu Nghiêm Quang Đ, anh Nghiêm Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành ầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 72 của BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39,147,271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56,57, 81,82,83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Nghiêm Tuấn A được ly hôn với chị Trần Thị Diệu L. Về con chung: Giao con chung là cháu Nghiêm Quang Đ, sinh ngày 10/9/2021 cho chị Trần Thị Diệu L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, anh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nghiêm Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 2.500.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: anh Nghiêm Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nộp Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo nội dung đơn khởi kiện của anh Nghiêm Tuấn A xin ly hôn với chị Trần Thị Diệu L, sinh năm 1993, nơi cư trú tổ 12, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Đây là vụ án về tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân**:** Anh Nghiêm Tuấn A và chị Trần Thị Diệu L đăng ký kết hôn ngày 11/11/2019 tại UBND phường Tân Thịnh, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép, căn cứ các Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa anh Nghiêm Tuấn A và chị Trần Thị Diệu L là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[2.2]. Về tình cảm vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân: Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến cuối năm 2020 cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng không chia sẻ quan tâm lẫn nhau, dẫn đến tình trạng ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Nghiêm Tuấn A và chị Trần Thị Diệu L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, HĐXX nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Nghiêm Tuấn A đối với chị Trần Thị Diệu L là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.3]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Nghiêm Tuấn A và chị Trần Thị Diệu L có một con chung là cháu Nghiêm Quang Đ sinh ngày 10/9/2021, hiện nay cháu Đ đang ở với chị L, quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh Tuấn A và chị L đều nhất trí thỏa thuận giao cho chị L nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nghiêm Quang Đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Tuấn A có quyền đi lại chăm sóc, giáo dục con chung. Căn cứ Điều 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX thấy rằng cần giao con chung là cháu Nghiêm Quang Đ, sinh ngày 10/9/2021 cho chị Trần Thị Diệu L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi sẽ đảm bảo tốt nhất cho việc chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con khi vợ chồng ly hôn. Anh Nghiêm Tuấn A có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: HĐXX thấy nghĩa vụ nuôi con chung là thuộc về cha mẹ, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình quy định: "cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con". Tại phiên tòa

anh Nghiêm Tuấn A đề nghị được cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/ tháng. Xét mức thu nhập của anh Nghiêm Tuấn A và chị Trần Thị Diệu L, mức bình quân sinh hoạt và học tập của con thì mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng của anh Nghiêm Tuấn A là phù hợp được chấp nhận. Yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung với mức 5.000.000 đồng/ tháng của chị Trần Thị Diệu L là không có căn cứ chấp nhận. Do đó ghi nhận sự tự nguyện của anh Tuấn A về mức cấp dưỡng nuôi con chung và buộc anh Nghiêm Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cháu Nghiêm Quang Đ là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm 16/5/2023.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

2.4. Về án phí: Anh Nghiêm Tuấn A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, 56, 57 , Điều 81, 82, và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nghiêm Tuấn A về việc yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị Trần Thị Diệu L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nghiêm Tuấn A được ly hôn với chị Trần Thị Diệu L.

2. Về con chung: Giao cháu Nghiêm Quang Đ, sinh ngày 10/9/2021 cho chị Trần Thị Diệu L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Nghiêm Tuấn A có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nghiêm Tuấn A cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cháu Nghiêm Quang Đ sinh ngày 10/9/2021 với mức cấp dưỡng là 2.500.000 đồng/ tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 16/5/2023.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà ngườiphải thi hành chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi

hành án theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi xét thấy cần thiết hoặc do điều kiện sống có sự thay đổi, vợ chồng có thỏa thuận khác phù hợp với quy định pháp luật và vì lợi ích của con chung, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu hoặc thay đổi mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nghiêm Tuấn A và chị Trần Thị Diệu L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: Anh Nghiêm Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0000285 ngày 02/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Buộc anh Nghiêm Tuấn A phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nộp ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND P. Tân Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Duyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Duyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND nơi ĐKKH;
(phường Cam Giá, TN);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT, BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Anh Thư

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Hồng Thái

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND nơi ĐKKH;
(xã Hồng Tiến,Phổ Yên, TN);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT, BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Mai Thị Hồng Thái